

một loại hình thức biểu đạt tự phát, bộc trực, không có câu thúc gì. Ví dụ, trong các cuộc hội họp của Kitô giáo tảo kì vào những năm 150 sau Công nguyên, những lời tiên tri có thể phát ngôn tùy thích, thậm chí còn có thể tùy ý thêm thắt vào các loại giải thích⁽²⁾. Có thể tưởng tượng rằng, nếu hình thức biểu đạt tự phát, tùy ý này vẫn còn tồn tại, sẽ không thể có Kitô giáo ngày nay. Nếu không có hình thức cố định, nó sẽ không có cách nào bảo lưu và duy trì tiếp tục được. Hãy lấy hình thức sùng bái của Kitô giáo làm ví dụ. Trong sự phát triển sau này, hình thức đó đã dần quy định ngôn ngữ sử dụng khi tiến hành nghi thức (bao gồm lời vịnh ca và lời khấn), quy định bảy loại bí tích, quy định các loại tế phẩm, ngay cả tư thế và trình tự khi lĩnh nhận bánh thánh cũng có quy định cụ thể. Thế là, tác dụng của nghi thức sùng bái cố định hóa này không còn biểu đạt một cách tự phát, tự do, tùy ý của tình cảm tín đồ đối với đối tượng sùng bái, mà chỉ là dẫn dắt gợi mở tình cảm và thái độ của tín đồ mà thôi. Hoạt động tâm lí biểu đạt tình cảm đã biến thành một loại trình tự lôgic. Nghi thức cố định hóa này, tuy không phải là phương thức tự giác tín đồ bộc lộ tình cảm của mình, song đối với "sự lặp đi lặp lại liên tục thường xuyên của tư tưởng tình cảm" và "sự diễn tập độc đáo việc thực hành nghi thức với thái độ chính xác"⁽³⁾, thì nó lại có sức ngưng tụ, có thể đoàn kết các tín đồ thành một khối, làm cho đoàn thể quần chúng này được mạnh mẽ lên.

Về quan niệm hóa đối tượng tín ngưỡng.
Quan niệm hóa đối tượng tín ngưỡng của con người phát triển cùng với sự phát triển của phương pháp nhận thức, mô thức tư duy và phương thức giải thích của con người. Trời mà người nguyên thủy gửi niềm tin, với thiên thần hình thành sau này là hoàn toàn khác nhau. Cái trước là một hiện tượng tự nhiên, cái sau là kết quả của sự trừ

tượng cao độ của tư duy con người. Có người đã làm một thí nghiệm, nêu ra một câu hỏi như sau với một số người: Trong tâm trí anh Giêsu là gì? Câu trả lời của những người được hỏi rất khác nhau. Có người cho rằng, Giêsu là người tốt có phẩm hạnh ưu tú; có người nói Giêsu là người bình thường có chính nghĩa; có người nói Giêsu vừa là thần vừa là người. Còn tất cả những tín đồ Kitô giáo được hỏi đều thừa nhận Giêsu là Thần. Những câu trả lời này gợi ra một vấn đề là: Giêsu trong tâm trí những người bình thường và Giêsu với tư cách là đối tượng tín ngưỡng được giải thích trong thần học có khác nhau. Tín đồ Kitô giáo đều tiếp thu kiểu giải thích của thần học về đối tượng tín ngưỡng; nên Giêsu trong tâm trí họ là Giêsu đã được thần học Kitô giáo quan niệm hóa và lí tính hóa. Nếu có thể nói trước khi chịu nạn đã từng có Giêsu, một người Nazareth có thật trong lịch sử, thì tín ngưỡng về "Kitô phục sinh" chính là diễn biến của tín ngưỡng Kitô giáo. Diễn biến của quan niệm hóa đối tượng tín ngưỡng là một mắt xích quan trọng trong quá trình phát triển tôn giáo. Nó trải qua hai giai đoạn, trước tiên là giai đoạn thần thoại, giai đoạn sơ cấp của quan niệm hóa.

Thần thoại là sản phẩm mà nhân loại bắt đầu ý thức được sự tồn tại của bản thân mình, là một loại "triết học nguyên thủy", là sự hiểu biết thế giới, giải thích tự nhiên của người nguyên thủy, là một loại thường thức của chính bản thân họ. Người nguyên thủy nhận thức tự nhiên không xuất phát từ phương thức lí tính, lôgic, mà xuất phát từ cảm thụ⁽⁴⁾. Do đó, thần thoại là mô thức trong đó người nguyên thủy đã kết hợp làm một quan niệm về tự nhiên, thần linh và bản

2. Carman. *Sùng bái Kitô giáo tảo kì*, tr.30. Xem thêm Thomas. F. Otto. *Xã hội học tôn giáo*, tr. 71 - 74.

3. Susan. Lange. *Triết học tân giải*, tr. 153.

4. Xem thêm. Enste Cassire. *Bàn về con người*, tr. 109.

thân mình. Sự phát triển của mô thức thân thoại dẫn đến giai đoạn thứ hai, tức giai đoạn lí tính "vứt bỏ thân thoại". Ở giai đoạn này xuất hiện nhiều loại thuyết minh, giải thích về đối tượng tín ngưỡng, đặt ra các loại quy định cho đối tượng tín ngưỡng, cấp cho chúng các loại thuộc tính. Thế là, đối tượng tín ngưỡng đã vượt ra khỏi thể nghiệm cá nhân và phạm vi tín ngưỡng nội tại của quần chúng tín ngưỡng, từ đó mang ý nghĩa xã hội. Cùng với sự quan niệm hóa đối tượng tín ngưỡng, các tôn giáo đã phát triển các tín điều, giáo lí cho có hệ thống, và chính chúng đã cấu thành hệ thống thần học hoàn chỉnh.

Về ổn định hóa cơ cấu tổ chức. Tổ chức tôn giáo ra đời cùng với sự xuất hiện của một nhân vật có sức lôi cuốn và tập hợp các môn đồ xung quanh mình. Nhân vật đó, theo cách gọi của M. Weber là nhân vật có *sức lôi cuốn thần thánh* (quyền uy charisma). Ông dùng từ này để chỉ người sáng lập tôn giáo hoặc thủ lĩnh tôn giáo. Max Weber nói: "Từ *charisma* dùng để biểu thị một loại phẩm chất nào đó của nhân cách cá nhân. Nó làm cho người có phẩm chất đó khác với người bình thường, là người được coi là có năng lực và phẩm chất siêu nhiên, siêu nhân hoặc chí ít là đặc biệt phi phạm"⁽⁵⁾. Từ thực tế lịch sử của sự ra đời và phát triển của các tôn giáo lớn trên thế giới, ta có thể thấy phong trào tôn giáo do người có sức lôi cuốn dẫn đạo thường phát sinh ở thời kì xã hội khủng hoảng hoặc có đột biến. Nhưng, nhiều phong trào tôn giáo đã tan rã ngay từ khi người sáng lập hay thủ lĩnh của chúng vẫn còn tồn tại. Có rất nhiều nguyên nhân, hoặc là sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội, hoặc là những lãnh tụ đó không còn năng lực hiệu triệu, lôi cuốn mọi người đi theo mình nữa. Tình trạng này nói lên rằng, *sức lôi cuốn thần thánh* không có tính ổn định, được gọi là *sức lôi cuốn thần*

thánh nhất thời. Nếu muốn làm cho phong trào tôn giáo tiếp tục tồn tại, cần phải làm cho *sức lôi cuốn thần thánh nhất thời* diễn biến theo hướng có hình thức ổn định, cũng chính là *ổn định hóa sức lôi cuốn thần thánh*⁽⁶⁾ mà Max Weber nói tới. Loại *ổn định hóa* này thường bao gồm những nội dung sau: cần phải giải quyết những xung đột bên trong và bên ngoài phong trào, cần bảo đảm có nguồn kinh phí đáng tin cậy, bảo đảm thu hút các thành viên mới, quản lí giữ gìn hàng ngày các tài sản v.v... Do đó, cần phải đặt ra các loại chế độ, quy định. Bởi vậy, *ổn định hóa sức lôi cuốn thần thánh* là một quá trình lâu dài, còn nhân vật có *sức lôi cuốn thần thánh* làm tăng thêm số lượng quần chúng cho nó, chỉ là lúc nhân vật còn sức lôi cuốn (đương nhiên, giữa nhân vật và phong trào đó vẫn có tính liên tục). Cơ cấu tổ chức tôn giáo chính là kết quả của *ổn định hóa sức lôi cuốn thần thánh*. Mỗi tổ chức tôn giáo đều lấy tín ngưỡng riêng biệt, nghi thức độc đáo và hình thức tổ chức cố định của mình để khu biệt mình với các tổ chức xã hội và các tôn giáo khác, và làm thành cái chung của cộng đồng tín đồ tôn giáo.

Chúng ta đã thảo luận ba bình diện của thể chế hóa tôn giáo. Chúng là ba mặt của cùng một quá trình phát triển. Ở đây, cần nhấn mạnh một lần nữa, trong sự phát triển của tôn giáo, thể chế hóa là tất nhiên, và cũng là cần thiết. Chỉ có tôn giáo được thể chế hóa mới có thể duy trì được tính ổn định

5. Max Weber. *Lí luận xã hội và tổ chức kinh tế*, tr.358, dẫn từ D.P. Johnson. *Lí luận xã hội học*, tr. 285.

6. *Ổn định hóa sức lôi cuốn thần thánh* - biến sức lôi cuốn thần thánh thành quy chế ổn định thường xuyên. Trong cuốn: Sabino Acquaviva. *Xã hội học tôn giáo*, Nxb KHXH. Hà Nội, 1998, Lê Diên dịch là "Biến sức lôi cuốn thần thánh thành thói quen" (routinisation du charisme) (ND).

và lâu dài của mình. Do đó, xét từ góc độ tôn giáo phát triển, thể chế hóa của tôn giáo là biểu hiện sự tiến bộ của tôn giáo. Tôn giáo được thể chế hóa càng hoàn thiện, càng tinh tế thì càng có lợi cho sự truyền bá và phát triển của bản thân tôn giáo. Song đây chỉ là một mặt của vấn đề. Đồng thời ta cũng phải thấy rằng, tôn giáo thể chế hóa dần dần mất đi sức sống, sự chất phác, sức lôi cuốn *sức lôi cuốn thân thánh* của buổi ban đầu, ngày càng sa vào những hoạt động sự vụ có tính thường nhật và cơ cấu quan liêu. Bởi vậy, chính bản thân chế độ hóa đã đang nuôi dưỡng những mâu thuẫn nội tại, không thể khắc phục được. Sau khi hiểu được những mâu thuẫn này, ta có thêm một số cơ sở và căn cứ về nhận thức đối với sự phát triển và hướng đi của tôn giáo. Bây giờ, hãy xem xét mấy cặp mâu thuẫn của bản thân tôn giáo thể chế hóa.

Tôn giáo lấy lực lượng siêu nhiên, siêu trần gian làm đối tượng tín ngưỡng, nên đối tượng tín ngưỡng của nó có tính thần thánh, tính siêu nghiệm, tính vô hạn và tính mở rộng. Nhưng sự biểu đạt của quần chúng tín đồ đối với đối tượng sùng bái, lại chỉ có thể tiến hành thông qua các thủ pháp tượng trưng có tính thể tục, kinh nghiệm và hữu hạn. Tượng trưng là biểu hiện cụ thể hóa của ý nghĩa tôn giáo, để làm cho các tín đồ cùng có sự nhận biết và cảm thụ chung. Khách quan hóa tượng trưng là tuyệt đối cần thiết. Giữa cái tượng trưng đầu tiên và thái độ chủ quan của tín đồ có một mối liên hệ cực kỳ sâu sắc. Đó là sự hài hòa và cộng minh của tín đồ với đối tượng sùng bái. Nhưng, khách quan hóa tượng trưng lại làm mất đi mối liên hệ giữa bản thân cái tượng trưng với thái độ chủ quan của tín đồ, vì chính trong việc liên tiếp lặp đi lặp lại, hình thức tượng trưng trở thành quá quen thuộc, dần dần mất đi cái tác dụng ban đầu của nó, thậm chí mất đi sức tác động làm nên sự hài hòa và cộng hưởng. Khách quan hóa tượng

trung cuối cùng dẫn đến sự dị hóa của chính bản thân cái tượng trưng. Thế là, hoạt động sùng bái tiến hành thông qua việc mượn hình thức tượng trưng đã dễ dàng biến thành công việc có tính chất hình thức. *Cái thần thánh mượn cái môi giới của thể tục để thể hiện, nhưng lại dẫn đến làm mất đi chính bản thân tính thần thánh; cái có tính tối thượng mượn cái tượng trưng có tính kinh nghiệm để thể hiện, lại làm suy giảm đi cái ý thức tối thượng*⁷⁾.

Tổ chức tôn giáo là thể cộng đồng bảo đảm cho đời sống tôn giáo của các tín đồ. Ví dụ, Kitô giáo coi Giê-su là đứng đầu Giáo hội. Theo cách nói của người tín ngưỡng, Giáo hội bảo đảm dẫn dắt tín đồ đạt đến cảnh giới tối thượng của tín ngưỡng tôn giáo, có tính thiêng liêng. Đương nhiên, *ổn định hóa* tổ chức tôn giáo để làm cho cơ cấu tổ chức tôn giáo từng bước quan liêu hóa, thứ bậc hóa. Ví dụ, chế độ giáo giới Kitô giáo không chỉ hình thành nên một hệ thống chức sắc và thân phận xã hội ổn định, hình thành nên chế độ quyền lực và nghĩa vụ tương ứng với nó, mà còn sản sinh ra chế độ đãi ngộ vật chất và quy tắc tấn phong tương ứng. Như vậy, mục đích của tổ chức tôn giáo không còn là mục đích tín ngưỡng thuần túy, mà kèm thêm vào cả lợi ích của bản thân tổ chức và thành viên (nhất là thành viên lãnh đạo). Bởi vậy, vì lợi ích của bản thân, tổ chức tôn giáo sẽ phản đối bất kỳ một cải cách hoặc thay đổi nào bất lợi cho bản thân mình. Do đó nó dần trở nên khô cứng hoặc cũng có khả năng vì lợi ích của bản thân mình mà thuận theo nhu cầu của xã hội, trở thành thể tục hóa. Chỉ cần mang thêm vào động cơ thể tục phi tín ngưỡng, tính thiêng liêng của tổ chức tôn giáo sẽ bị suy giảm, mất đi sức cuốn hút đối với các tín đồ.

7. Thomas . F. Otto. *Xã hội học tôn giáo*, tr. 101.

Kinh điển của tôn giáo được xem là cái đạo của thần (ví dụ Kinh Thánh của Kitô giáo), nhưng việc giải thích giáo lí của kinh điển thì lại là lời nói của con người. Ở đây *lời nói của con người* có hai phần có thể biến đổi. Trước hết là sự biến đổi của *người nói*. Việc giải thích kinh điển đôi khi có thể bị biến dị do *con người*. Sau đó là do sự biến dị của *lời nói*. Vì ngôn ngữ giải thích kinh điển là ngôn ngữ kinh nghiệm, thường ngày của con người. Cho nên nó sẽ thay đổi cùng với sự thay đổi của hoàn cảnh xã hội. Để tránh sự biến đổi do sự dị hóa của con người và ngôn ngữ này, việc cố định hóa giáo lí là rất cần thiết. Nhưng, trong tôn giáo thể chế hóa, giáo lí bị cố định, giải thích bị cố định, một mặt có khả năng làm cho việc giải thích giáo lí trở nên giáo điều, sẽ nảy sinh hiện tượng vì câu nệ giải thích về mặt chữ nghĩa mà được lời mất ý; mặt khác, cố định hóa cũng chứa đựng nguy cơ giải thích bị sai lệch đi. Mâu thuẫn này thường thường biểu hiện ở sự sai lệch giữa nhân viên thân chức chuyên nghiệp với các tín hữu thông thường trong việc lí giải giáo lí. Ví dụ, những năm gần đây, các phái Tin Lành đều đi tìm những chỗ dựa trong Kinh Thánh về các vấn đề hiện đại đặt ra như: phụ nữ đảm nhận thân chức, đồng tính luyến ái, v.v... tiến hành một trận chiến Kinh Thánh, trận chiến giải thích giáo lí để bảo vệ cho sự giải thích của mình. Trận chiến giải thích giáo lí có thể coi là một ví dụ khá lí thú. Mâu thuẫn này tất nhiên sẽ dẫn đến tính tương đối của giáo lí, làm cho tính thiêng liêng của giáo lí cũng bị suy giảm.

Chúng ta đã thảo luận ba loại mâu thuẫn nội tại quan trọng trong kết cấu tôn giáo. Những mâu thuẫn này làm cho tôn giáo vốn truy tìm cái siêu việt, sùng bái thần thánh, lại tự thân tiềm ẩn một loại tính chất phản lại chính mình. Cùng với thể chế hóa tôn giáo, chúng là một quá trình cơ bản và tất

nhien trong sự phát triển của tôn giáo. Tính chất phản lại có thể biểu hiện ra từ ba phương diện. Một là, sự phản lại tính thần thánh của tôn giáo, có nghĩa là, kết cục của mâu thuẫn nội tại trong kết cấu tôn giáo nghiêng về phía làm suy giảm tính thần thánh. Tình trạng này thể hiện rõ rệt nhất trong kết cấu hữu hình, tức tổ chức của tôn giáo. Ví dụ, cuộc tranh giành quyền lực của tổ chức tôn giáo vì lợi ích của mình, câu kết với quyền lực thế tục, sự đòai bại của tầng lớp lãnh đạo của nó, v.v... Hai là, sự khô cứng, giáo điều hóa của tôn giáo trên các phương diện giáo lí, lễ nghi, hình thức tổ chức, v.v... không ứng phó kịp với những tác động phản lại của thời đại. Những tác động phản lại này yêu cầu phải cải cách, đòi hỏi tôn giáo phải căn cứ vào nhu cầu thay đổi của xã hội mà tự điều chỉnh mình. Loại phản lại thứ ba có liên quan đến loại thứ hai. Nói cách khác, nếu tôn giáo tiến hành tự điều chỉnh bản thân mình, tạo ra sự thay đổi tương đối phù hợp với nhu cầu xã hội, sẽ gây ra sự chống đối của các thành viên, những người không muốn bất cứ một sự cải cách, một sự thay đổi nào. Loại phản lại thứ nhất dễ đưa đến sự thế tục hóa của tôn giáo trong cơ cấu tổ chức, tức sự hủ bại của tổ chức tôn giáo. Đây cũng là nghĩa cơ bản nhất, hẹp nhất của từ *thế tục hóa*, tức là sự mất mát, suy giảm của tính thần thánh. Loại phản lại thứ hai dẫn đến việc tôn giáo vì sự tồn tại của mình mà không thể không biến đổi theo sự biến đổi của xã hội. Sự biến đổi này thể hiện càng rộng càng sâu hơn ý nghĩa của từ *thế tục hóa*. Còn loại phản lại thứ ba là hành động chống lại hai loại phản lại của *thế tục hóa* nói trên. Những hình thức chống lại này có thể là cải cách tôn giáo, hoặc lập riêng giáo phái khác, hoặc thậm chí lập hẳn một tôn giáo mới. Trong lịch sử tôn giáo, tôn giáo quả là đã phát triển lên trong quá trình không ngừng khắc phục những mâu thuẫn nội tại của mình, và

cũng không ngừng sản sinh ra những mâu thuẫn mới. Nếu chúng ta quay ngược thời gian lại 500 năm, tức là chúng ta đứng ở thế kỉ XV để quan sát sự phát triển của tôn giáo gần 500 năm qua, chúng ta thấy rằng, hướng phát triển của tôn giáo là không ngừng thế tục hóa và chống lại thế tục hóa (biểu hiện điển hình là cải cách tôn giáo), không ngừng xuất hiện những phong trào duy trì giáo lí gốc và phong trào tôn giáo mới. Có thể nói, mâu thuẫn cố hữu trong kết cấu tôn giáo chính là một trong những nguyên nhân chủ đạo của loại xu thế phát triển này. Do đó, chúng ta cho rằng, sự phát triển của tôn giáo từ nay về sau cũng vẫn sẽ dựa theo xu thế này. Trên thực tế, sự không ngừng thế tục hóa và chiến thắng thế tục hóa của tôn giáo, sự xuất hiện phong trào duy trì giáo lí gốc và phong trào tôn giáo mới, cũng chính là đặc trưng chủ yếu của tình hình tôn giáo hiện nay.

Thảo luận trên đây về sự phát triển và xu thế sắp tới của tôn giáo, có thể nói là dựa trên sự khảo sát những nhân tố chính bản thân tôn giáo. Nhưng, vì tôn giáo không phải là một hiện tượng độc lập, mà là một hiện tượng xã hội, sinh ra trong xã hội, lớn lên trong xã hội, nên thể chế hóa của tôn giáo không chỉ là quá trình biến hóa của nội bộ tôn giáo, mà cũng là quá trình có quan hệ liên tục với xã hội, cũng có nghĩa là, xã hội và tôn giáo có quan hệ không thể chia cắt được. Quan hệ này cũng có ảnh hưởng rất quan trọng đối với sự phát triển và xu thế của tôn giáo. Xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển của tôn giáo từ hai phương diện: trực tiếp và gián tiếp.

Khi giai cấp thống trị xã hội về lợi ích căn bản không xung đột với tôn giáo và có thái độ tương đối khoan dung với tôn giáo, thì xu thế phát triển của tôn giáo tất nhiên là ổn định. Sự tăng trưởng của số lượng tín đồ tôn giáo hình thành theo một tỉ lệ nhất định so với sự tăng trưởng của dân số xã hội, các

mặt của xã hội và tôn giáo cùng ở trong một quan hệ bình ổn. Ngược lại, để khống chế xã hội, nếu một tập đoàn xã hội tiến hành can thiệp vào tôn giáo về phương diện chính trị hoặc hành chính, hoặc giả tiến hành ủng hộ tôn giáo này, áp chế tôn giáo khác, thì sự phát triển của tôn giáo sẽ bị trở ngại, không còn bình ổn nữa. Để bảo vệ mình, hoạt động của một số tổ chức tôn giáo sẽ đi vào bí mật, lén lút. Hai loại hiện tượng này tồn tại từ xưa tới nay, có thể được coi là quy luật của mối quan hệ giữa xã hội và phát triển tôn giáo. Đây là tác động trực tiếp của xã hội đối với sự phát triển của tôn giáo. Ảnh hưởng gián tiếp của xã hội đối với tôn giáo có liên quan đến sự thay đổi của bản thân xã hội. Đặc trưng chủ yếu của xã hội truyền thống về mặt kết cấu là sự *nhất thể hóa*. Một trong những biểu hiện cơ bản nhất của xã hội *nhất thể hóa* là ở chỗ không có sự phân li giữa chính trị và tôn giáo, tôn giáo và pháp luật, tôn giáo và giáo dục, tôn giáo và đạo đức, tất cả đều hòa hợp thành một thể thống nhất. Thế giới quan cơ bản và quan điểm giá trị chính yếu của xã hội đó, nói chung, đều do tôn giáo đảm nhiệm. Tuy mọi người đều chấp nhận như vậy, nhưng không phải mọi người đều tự nguyện lựa chọn. Đó là một số tín ngưỡng và niềm tin có tính cưỡng chế do xã hội quyết định, là cơ sở của hoạt động sản xuất, trao đổi qua lại và sinh hoạt hằng ngày, là quy phạm mọi người phải tuân theo. Trong xã hội truyền thống, kết cấu xã hội thường hay nghiêng về hình thái ý thức chiếm địa vị thống trị trong xã hội. Sự kết hợp giữa quyền lực chính trị và hình thái ý thức trở thành hạt nhân của xã hội. Loại *nhất thể hóa* này, tất nhiên sẽ dẫn đến sự *trung tâm hóa* của hình thái ý thức. Trong những xã hội này, do người ta vẫn giữ được sự nhất trí một cách tự giác hay bán tự giác về những khuynh hướng giá trị có ý nghĩa trong cuộc sống, nên mỗi cá nhân đều có cảm giác an toàn.

Khi xã hội thay đổi hoặc chuyển sang hình thái khác, mô thức xã hội cũ bị giải thể, tất nhiên sẽ dẫn đến rối loạn của ba phương diện. Một là, sự rối loạn của trật tự xã hội. Hai là, sự rối loạn của đạo đức và khuynh hướng giá trị chủ đạo. Ba là, sự rối loạn về mặt tâm lí của các thành viên trong xã hội. Ba loại lộn xộn này đều thúc đẩy các thành viên trong xã hội nảy sinh những biến đổi to lớn cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Xã hội rối loạn, không yên, đạo đức lộn xộn, lòng người hoang mang lo sợ, đó chính là cao trào cho sự phát triển tôn giáo, bởi vì tôn giáo mang lại cho người ta *một loại thần thánh cứu vớt chúng sinh, không chỉ phần ánh cái thế giới đầy đau khổ, mà còn chỉ ra cho người ta những con đường giải thoát khỏi những đau khổ đó*⁽⁸⁾. Trong hoàn cảnh như thế, những người đã chịu nhiều khổ nạn luôn hi vọng cầu cứu tứ phương hòng tìm được con đường giải thoát khỏi đau khổ, do đó rất dễ nảy sinh sự cộng hưởng với tôn giáo. Thời kì này, tôn giáo phát triển rất nhanh, số tín đồ tăng vọt, tôn giáo mới hoặc phong trào có tính tôn giáo cũng có thể nhân cơ hội này mà ra đời. Còn quan hệ của tôn giáo với các phương diện của xã hội thông thường dễ ở trong tình trạng cọ sát, thậm chí đối lập nhau. Xã hội thay đổi có ảnh hưởng đến sự phát triển của tôn giáo. Đây tuy là điều kiện bên ngoài, mang tính gián tiếp, nhưng về mặt hiệu quả lại trực tiếp, cũng có nghĩa là, sự biến đổi của xã hội có tác động trực tiếp đến sự phát triển của tôn giáo. Tình trạng này đã gặp nhiều trong lịch sử, không có gì là mới cả.

Ngoài ra, mặc dù xã hội là mảnh đất để tôn giáo ra đời, nhưng tính thế tục của xã hội lại đối lập với tính thần thánh của tôn giáo. Cho nên, ảnh hưởng của xã hội đối với tôn giáo làm cho sự phát triển của tôn giáo có đặc điểm vừa chống chế, vừa thoả hiệp với xã hội. Xét trong lịch sử tôn giáo, tuyệt đại đa số các tôn giáo ở thời kì mới ra đời

đều có sức căng rất lớn đối với xã hội. Bởi vì, đây là thời kỳ thịnh vượng nhất khi các tôn giáo mới vẫn còn giữ được khát vọng đi truy tìm cái thần thánh, cái siêu việt, cái vô hạn, v.v... trong kết cấu nội tại của mình. Nói cách khác, tôn giáo thời kì này ít tính thế tục nhất. Ở một ý nghĩa nào đó, thoả hiệp với xã hội chính là tôn giáo từng bước điều chỉnh cho thích hợp với xã hội, tức là tôn giáo tự điều chỉnh mình để thích hợp với xã hội, nhất là tôn giáo truyền thống đã tiến hành cải cách các mặt như: giáo lí, thể chế, luân lí, lễ nghi, v.v... để thích ứng với nhu cầu của xã hội. Những điều chỉnh và cải cách này thể hiện sự thoả hiệp của tôn giáo đối với xã hội. Đó cũng có nghĩa là, tôn giáo, một hệ thống xã hội con, tất phải thích ứng với nhu cầu phát triển của hệ thống xã hội mẹ, nếu không bản thân nó khó có thể tồn tại được. Vậy tình trạng tôn giáo mới xuất hiện sau này sẽ như thế nào? Chúng ta hãy xem một thống kê rất lí thú của nhà xã hội học tôn giáo Mĩ. Rodney Stark và William Sims Bainbridge đã tiến hành khảo sát 417 tôn giáo và giáo phái mới ra đời ở Mĩ và chia sức căng ban đầu của các tôn giáo đó đối với xã hội thành sáu cấp là: thấp, trung bình, hơi cao, cao, rất cao, cực kì cao. Kết quả khảo sát cho thấy, không có một tôn giáo hay giáo phái mới nào ở cấp sức căng thấp. Các tôn giáo và giáo phái mới có sức căng với xã hội từ cấp trung bình đến cực kì cao, phân biệt như sau: trung bình: 8, hơi cao: 33, cao: 122, rất cao: 122, cực kì cao: 132⁽⁹⁾. Điển hình cho cấp có sức căng cực kì cao đối với xã hội là Mormon giáo. Tuy nhiên, qua sự phát triển trong hơn 100 năm gần đây, Mormon giáo đã sửa đổi một số giáo lí hoàn toàn không phù hợp với xã hội của nó, ví dụ như chế độ đa thê. Mặc dù vậy, hiện nay giáo phái đó vẫn yêu cầu tín đồ phải sống giản dị chất phác, cấm uống nước có độ cồn cao, không được mặc quần

. *Xã hội học tôn giáo*, trang 112 - 113.

cộc, áo váy ngắn quá hở hang kể cả trong mùa hè. Nhưng sự phát triển của giáo phái này vẫn từng bước men theo và dựa sát vào xã hội, đi bên cạnh xã hội, cùng hoà nhập vào những trào lưu chính của xã hội. Trên một ý nghĩa nào đó, thoả hiệp với xã hội chính là dần dần tự điều chỉnh mình cho thích hợp với xã hội, mà kết quả của sự điều chỉnh này, rốt cuộc là tôn giáo đã nhĩm vào cái vết dơ biếng nhác lạnh nhạt của xã hội thế tục. Đó cũng chính là thế tục hóa mà chúng tôi đã nói đến. Song, nếu thoả hiệp quá nhiều, tôn giáo sẽ bị mất đi những đặc điểm vốn có hoặc mất đi chỗ dựa cho sự tồn tại của mình. Khi đó tất sẽ dẫn đến sự phản đối từ trong nội bộ tôn giáo, làm nảy sinh những phong trào bảo vệ giáo lí nguyên thủy và phong trào tôn giáo mới. Do đó, tôn giáo trước sau đều ở trong một quá trình không ngừng tự điều chỉnh bản thân để giải quyết các loại xung đột và mâu thuẫn. Sự phát triển và hướng đi này được quyết định không chỉ bởi những nguyên nhân nội tại mà còn cả bởi những nguyên nhân ngoại tại của nó nữa.

Tôn giáo thoả hiệp với xã hội, chủ yếu biểu hiện trên các vấn đề tôn giáo chú tâm tới các công việc thế tục và đối xử với khoa học.

Do quá trình thế tục hóa phát triển không ngừng, sức căng với xã hội giảm dần đi; cũng lại do chức năng xã hội của tôn giáo trong xã hội hiện đại có biến đổi, tôn giáo không chỉ đưa ra những sự giải thích và khuynh hướng giá trị đối với thế giới, đối với ý nghĩa nhân sinh v.v... mà ngày càng hướng sự quan tâm của mình vào các sự vụ thế tục. Mấy chục năm qua, các tôn giáo một mặt chú ý đến những vấn đề hoà bình thế giới, môi trường sinh thái, nhân quyền, luân lí đạo đức có tính chất toàn cầu, tham gia các công tác sự vụ xã hội dân chính, phát huy tác dụng của mình trong các phương diện phúc lợi xã hội, bảo hiểm xã

hội; Mặt khác, cũng quan tâm đến chính trị xã hội và phát triển kinh tế, thường xuyên là bộ phận cấu thành của đoàn thể xã hội làm trung gian giữa nhà nước và nhân dân, phát huy tác dụng làm hoà dịu mâu thuẫn giữa chính phủ và dân chúng. Có thể nói, trong sự phát triển từ nay về sau, tôn giáo vẫn còn tiếp tục quan tâm đến những loại sự vụ thế tục này, loại quan tâm chú ý này sẽ trở thành một chức năng lớn của tôn giáo trong xã hội hiện đại.

Trong xã hội hiện đại, do khoa học kĩ thuật phát triển từng ngày từng giờ, khoa học kĩ thuật cao đã ảnh hưởng to lớn đến đời sống sản xuất của nhân loại. Vấn đề phải đối xử với khoa học như thế nào đã được đưa vào chương trình quan trọng của tôn giáo. Với những vấn đề như sự sinh thành của vũ trụ, nguồn gốc sự sống, vật chất tiến hóa, v.v... khoa học đương đại có những giải thích hoàn toàn khác với tôn giáo. Hiện nay, sự phát triển của khoa học ở một phương diện nào đó, như trẻ em trong ống nghiệm, nhân bản động vật vô tính, v.v... đã truy bức trực tiếp đến giáo lí hạt nhân của tôn giáo. Tôn giáo sẽ phải đối diện với khoa học như thế nào, đã trở thành một vấn đề mà tôn giáo phải thẳng thắn nhìn nhận. Gần đây, Công giáo La Mã đã công khai nhìn nhận lại lịch sử giáo hội trong quá khứ đã bức hại các nhà khoa học. Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã biểu thị *sám hối* về việc này. Các tôn giáo đã tích cực lợi dụng thành quả của khoa học kĩ thuật hiện đại và đưa ra *sự giải thích hợp lí* đối với những kết quả đó. Tất cả những điều này đều biểu thị rằng, tôn giáo sẽ không chọn thái độ cứng bức áp chế đối với khoa học, sẽ không thờ ơ hoặc cự tuyệt những thành quả của khoa học kĩ thuật, mà dưới tiền đề giữ vững trận tuyến thần học, sẽ cố gắng hết

9. Xem Rodney Stark, William Sims. *Tương lai của tôn giáo*. (Đại học California, 1985), tr. 136.

sức để lợi dụng, tiêu hóa những thành quả của khoa học. Đương nhiên, những ứng dụng khoa học và những vấn đề nảy sinh trong bình diện luân lí đạo đức sẽ làm cho cuộc tranh luận giữa tôn giáo và khoa học vẫn tiếp tục tồn tại. Song *sự hợp tác ngày càng mạnh lên*⁽¹⁰⁾ giữa khoa học và tôn giáo cũng chính là một trong những điều kiện để tôn giáo tồn tại trong xã hội hiện đại.

Sau khi khảo sát mối quan hệ giữa tôn giáo và xã hội, chúng ta còn cần phải xem xét đến mối quan hệ giữa các tôn giáo. Đó là một phương diện khác của xu hướng phát triển của tôn giáo.

Mọi người đều biết, mặc dù không còn huy hoàng như ngày xưa, tôn giáo truyền thống vẫn chiếm ưu thế, hiện tại vẫn là tôn giáo chủ lưu trong xã hội. Còn các tôn giáo mới sinh ra, mặc dù hiện đang rất ồn ào, náo nhiệt, nhưng vô luận về phương diện tín đồ hay các phương diện khác, đều chỉ mới là những yếu tố lẻ tẻ, rời rạc của tín ngưỡng, nằm ở vị trí bên lề của tín ngưỡng. Tôn giáo truyền thống và tôn giáo mới sinh, mỗi cái đều có những điểm mạnh riêng. Tôn giáo truyền thống thì như một cái cây có thân to rễ sâu, có lịch sử lâu đời, có giáo lí kinh điển phong phú, có quân chúng tín đồ rộng lớn, v.v... Nhưng ở một số mặt nào đó, nó không theo kịp nhu cầu của xã hội hiện đại, có một số thể chế nào đó trở nên cứng nhắc, thiếu sức sống và tính linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động, làm giảm thấp hiệu lực, trước các nhu cầu của xã hội hiện đại tỏ ra yếu kém bất lực. Thêm vào đó, sự thế tục hóa của bản thân tôn giáo truyền thống, đã làm cho nó đứng trước nguy cơ tan rã. Tôn giáo mới sinh là sản phẩm của xã hội đương đại. Tuy không có sẵn ưu thế của tôn giáo truyền thống, nhưng nó có thể thoả mãn được yêu cầu về một phương diện nào đó của con người hiện đại, do đó có

một sức sống mạnh mẽ. Đương nhiên, do đặc điểm của xã hội hiện đại, cái cục diện nhất thống thiên hạ sẽ không thể tồn tại chỉ do một hình thái ý thức. Bởi vậy, một mặt, tôn giáo truyền thống cần duy trì địa vị chủ lưu của mình, tôn giáo mới nảy sinh phải cạnh tranh để thoát ra khỏi trạng thái là thứ yếu, bên rìa của nó. Do vậy, việc xuất hiện sự cạnh tranh thị trường tín ngưỡng là nhu cầu sống còn của tôn giáo. Mặt khác, cũng có khả năng các tôn giáo khoan dung lẫn nhau, thậm chí kết hợp với nhau chống lại thế tục hóa của toàn xã hội, vì đây là nhu cầu sống còn của cả chính thể tôn giáo. Sự xung đột và cạnh tranh, hợp tác và dung hợp giữa các tôn giáo cũ và mới sẽ trở thành một xu thế hấp dẫn mọi người quan tâm.

Vô luận tôn giáo sẽ phát triển như thế nào, sẽ đi theo hướng nào, chỉ cần con người có nhu cầu, chỉ cần con người không chiến thắng được cái hạn chế của bản thân, thì tôn giáo sẽ vẫn còn tồn tại. Mặc dù không thể trở thành trung tâm của xã hội, nhưng tôn giáo vẫn sẽ mang lại cho con người sự giúp đỡ và an ủi về mặt tình cảm, mang lại cho con người một ý nghĩa giá trị nào đó, giúp con người biểu thị niềm tin và mối quan tâm tối thượng của mình. Quả là *xã hội văn minh hóa* không hề lo lắng rằng Thượng Đế có thu hồi Thái dương về Thiên quốc hay không. Nhưng, dù là ở những quốc gia thế tục hóa nhất ấy, tôn giáo cũng vẫn tồn tại một cách lâu dài⁽¹¹⁾./

Người dịch: *Trần Nghĩa Phương*

10. *Chín xu thế lớn của tôn giáo*. Tạp chí *Nhà tương lai học*, Hoa Kỳ, 1998, số I.

11. Chín xu thế lớn của tôn giáo. Tạp chí Nhà tương lại học, Hoa Kỳ, năm 1998, số I.